

**DANH SÁCH**  
**CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG NĂM 2025**

**Hộ gia đình, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu**

*(Kèm theo Thông báo số: 1511/TB-UBND ngày 20/5/2026 của UBND phường Tân Phong)*

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn được thanh toán (đồng)
	<b>Tổng</b>		<b>148.398.502</b>		<b>148.398.502</b>
1	Hoàng Văn Miến	TDP Chìn Chu Chải	2.592.104		2.592.104
2	Bùi Thị Hiền	Tổ 10	3.559.805		3.559.805
3	Bùi Thị Khương	Tổ 9	5.235.947		5.235.947
4	Bùi Văn Trung	TDP Thành Công	335.229		335.229
5	Chang A Vàng	Tân Phong	383.118		383.118
6	Dà Văn Lò	TDP Chìn Chu Chải	1.412.250		1.412.250
7	Di Văn Yên	TDP Chìn Chu Chải	625.680		625.680
8	Đỗ Thị Chuôm	Tổ 7	239.449		239.449
9	Đỗ Thị Tuyền	Phường Tân Phong	287.338		287.338
10	Giàng A Lử	TDP Thành Lập, P Đoàn Kết	1.308.987		1.308.987
11	Giàng A Tủa	TDP Thành Lập, P Đoàn Kết	462.934		462.934
12	Giàng Văn Trường	TDP Chìn Chu Chải	286.026		286.026
13	Hà Anh Tuấn	Tổ 23	661.433		661.433
14	Hà Ngọc Anh	Tổ 23	1.202.927		1.202.927
15	Hà Quốc Vương	Tổ 24	1.126.224		1.126.224
16	Hà Văn Quyết	Tổ 5	1.108.348		1.108.348
17	Hồ Văn Đường	TDP San Thàng	1.144.101		1.144.101
18	Hồ Văn Khun, Ngô Thị Mỹ	TDP San Thàng	625.680		625.680
19	Hồ Văn Linh	TDP Chìn Chu Chải	1.269.237		1.269.237
20	Hồ Văn Mừng	TDP San Thàng	965.335		965.335
21	Hồ Văn Nấu (Hồ Minh Tiêu)	Bản San Thàng	446.915		446.915
22	Hồ Văn Siêng	Bản San Thàng	643.556		643.556
23	Hoàng Chí Công, Đỗ Thị Hằng	Bản Mới	1.165.260		1.165.260
24	Hoàng Đức Sin	Bản Chìn Chu Chải	268.149		268.149

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Số tiền được chi trả (đồng)</b>	<b>Số tiền ưu tạm ứng (đồng)</b>	<b>Số tiền còn được thanh toán (đồng)</b>
25	Hoàng Văn Diễn	Bản San Thàng	446.915		446.915
26	Hoàng Văn Hiền, Đoàn Thị Lan	Bản San Thàng	287.338		287.338
27	Hoàng Văn Kén, Vui Thị Sách	Bản San Thàng	2.252.449		2.252.449
28	Hoàng Văn Quồn (Hoàng Văn Tuấn)	Bản San Thàng	2.663.609		2.663.609
29	Hoàng Văn Quyền	Bản San Thàng	250.272		250.272
30	Hoàng Văn Thành	Bản San Thàng	464.791		464.791
31	Hoàng Văn Văn	Bản Chín Chu Chải	482.667		482.667
32	Hoàng Văn Việt	Bản San Thàng	911.705		911.705
33	Hù Văn Sìn (Xuân Thị Hồng)	Bản Chín Chu Chải	607.804		607.804
34	Hù Văn Toàn	Bản Chín Chu Chải	1.054.718		1.054.718
35	Lê Quang Dân, Nguyễn Thị Sơn	Tổ 10 - Tân Phong	1.787.884		1.787.884
36	Lềng Văn Soóng	Bản Lũng Than	3.164.154		3.164.154
37	Lò A Mù	Bản Lũng Than	268.149		268.149
38	Lò Thị Thiểu (Pín, Quân)	Bản Chín Chu Chải	2.574.227		2.574.227
39	Lò Văn Hùng	Bản Mới	160.889		160.889
40	Lò Văn Huy	Bản San Thàng	929.582		929.582
41	Lò Văn in, Trần Thị Tiến	Bản Chín Chu Chải	1.501.632		1.501.632
42	Lò Văn Lợi	Bản San Thàng	321.779		321.779
43	Lò Văn Súi	Bản San Thàng	482.667		482.667
44	Lù Văn Chiến	Bản San Thàng	750.816		750.816
45	Lù Văn Di (Lù Văn Phương)	Bản Lũng Than	250.272		250.272
46	Lù Văn Hiền, Lý Thị Sim	Bản Chín Chu Chải	1.322.866		1.322.866
47	Lù Văn Hữu	Bản Chín Chu Chải	2.091.559		2.091.559
48	Lù Văn Quái	Tả Xin Chải	2.298.709		2.298.709
49	Lương Văn Tân	Bản San Thàng	1.501.632		1.501.632
50	Lý Ngan Lai (Phản Xa Mẫy)	Xã Tả Lềng	1.430.126		1.430.126
51	Lý Thị Tê	Xã Tả Lềng	191.559		191.559
52	Lý Xuân Nam	Xã Tả Lềng	1.841.287		1.841.287
53	Lý Xuân Phà	Xã Tả Lềng	3.736.204		3.736.204

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Số tiền được chi trả (đồng)</b>	<b>Số tiền ưa tạm ứng (đồng)</b>	<b>Số tiền còn được thanh toán (đồng)</b>
54	Ng.Th.Hải, Ng.T.Thu Thủy	Tổ 9 Tân Phong	622.567		622.567
55	Nghiêm Xuân Tào (Liên)	Bản Mới	383.118		383.118
56	Ngô Ngọc Nam	Tổ 8 Tân Phong	271.375		271.375
57	Ngô Thị Hạt	Tổ 8 Tân Phong	638.531		638.531
58	Ngô Văn Đệ	Tổ Tân Phong	622.567		622.567
59	Nguyễn Duy Thanh	Bản Mới	191.559		191.559
60	Nguyễn Quang Khải	Bản Thành Công	558.714		558.714
61	Nguyễn Thành Luân	Bản Thành Công	478.897		478.897
62	Nguyễn Thị Hải	Bản Mới	1.197.731		1.197.731
63	Nguyễn Thị Hằng	Bản Thành Công	207.522		207.522
64	Nguyễn Thị Liên	Bản Mới	178.766		178.766
65	Nguyễn Thị Sơn	Bản Mới	542.751		542.751
66	Nguyễn Thị Thành	Bản Mới	159.633		159.633
67	Nguyễn Thị Thêu	Bản Xéo Xin Chải	79.816		79.816
68	Nguyễn Văn Chiêm	Bản Lũng Than	2.091.559		2.091.559
69	Nguyễn Văn Công	Bản Thành Công	239.449		239.449
70	Nguyễn Văn Hải (Thảo)	Bản Mới	255.412		255.412
71	Nguyễn Văn Hiếu	Bản Mới	351.192		351.192
72	Nguyễn Văn Hoàn	Bản Mới	239.449		239.449
73	Nguyễn Văn Hùng	Bản Mới	4.228.665		4.228.665
74	Nguyễn Văn Kỳ	Bản Thành Công	175.596		175.596
75	Nguyễn Văn Mạnh	Bản Xéo Xin Chải	446.971		446.971
76	Nguyễn Văn Minh	Bản Xéo Xin Chải	1.069.537		1.069.537
77	Nguyễn Văn Nam	Bản Xéo Xin Chải	478.897		478.897
78	Nguyễn Văn Năng	Tổ 23,P.Đông Phong	2.073.683		2.073.683
79	Nguyễn Văn Tiến	Bản Mới	53.629		53.629
80	Nguyễn Văn Trịnh	Bản Xéo Xin Chải	1.293.024		1.293.024
81	Nguyễn Văn Tùng	Bản Xéo Xin Chải	143.669		143.669
82	Nguyễn Văn Vượng	Bản Xéo Xin Chải	893.942		893.942

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Số tiền được chi trả (đồng)</b>	<b>Số tiền ưu tạm ứng (đồng)</b>	<b>Số tiền còn được thanh toán (đồng)</b>
83	Nguyễn Xuân Quát (Nguyễn Văn	Bản Xéo Xin Chải	3.080.908		3.080.908
84	Nguyễn Xuân Thành	Bản Xéo Xin Chải	127.706		127.706
85	Nông Văn Dũ, Vàng Thị Ngoan	Bản San Thàng	464.791		464.791
86	Phạm Đăng Bảo	Bản Mới	268.149		268.149
87	Phạm Quang Đại	Bản Thành Công	574.677		574.677
88	Phạm Thanh Thế, Đinh Thị Hằng	Tổ 9 - Tân Phong	2.873.385		2.873.385
89	Phạm Thị Ban	Bản Lò Suối Tùng	271.375		271.375
90	Phạm Văn Phan	Bản Thành Công	271.375		271.375
91	Phàn Phú Xuân	Xã Tả Lềng	2.413.338		2.413.338
92	Phan Thị Tiếng	Bản Chín Chu Chải	214.518		214.518
93	Phan Văn Tuyên	Phường Tân Phong	911.705		911.705
94	Phan Văn Yên	Bản Chín Chu Chải	911.705		911.705
95	Sùng Páo Ly	Tổ 10 Tân Phong	798.163		798.163
96	Thào A Chin, Lù Thị Hùi	Bản Chín Chu Chải	1.716.151		1.716.151
97	Thào Thị Mấn	Bản Chín Chu Chải	697.187		697.187
98	Thào Văn Chiềng	Bản San Thàng	5.202.083		5.202.083
99	Thào Văn Chung	Bản San Thàng	2.395.461		2.395.461
100	Thào Văn Hiếu (Hiên)	Bản San Thàng	1.412.249		1.412.249
101	Thào Văn Sứ	Bản San Thàng	321.778		321.778
102	Thào Văn Trảng	Bản San Thàng	590.641		590.641
103	Thào Văn Việt	Bản San Thàng	399.082		399.082
104	Tổ 2 B Suối Thầu	Bản Suối Thầu	9.242.724		9.242.724
105	Tổng Văn Cò	Bản San Thàng	339.655		339.655
106	Trần Thị Duyên	Bản Xéo Xin Chải	250.272		250.272
107	Trần Thị Phượng	Bản Cánh Đẳng	143.670		143.670
108	Trần Văn Chinh	Bản Cánh Đẳng	383.118		383.118
109	Trần Văn Chu	Bản Cánh Đẳng	223.486		223.486
110	Trần Văn Chung	Bản Cánh Đẳng	367.156		367.156
111	Trần Văn Kết	Bản Cánh Đẳng	862.016		862.016

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Số tiền được chi trả (đồng)</b>	<b>Số tiền ưa tạm ứng (đồng)</b>	<b>Số tiền còn được thanh toán (đồng)</b>
112	Trần Văn Kỳ	Bản Mới	271.375		271.375
113	Trần Văn Suối (Lò Văn Súi)	Bản San Thàng	734.309		734.309
114	Trần Văn Thắng (Châm)	Bản Căng Đẳng	271.376		271.376
115	Trần Văn Tim	Bản Căng Đẳng	1.404.766		1.404.766
116	Trần Văn Xèo	Bản Lùng Than	1.090.471		1.090.471
117	Triệu Khánh Dư (Nhu)	Bản San Thàng	1.914.163		1.914.163
118	Vàng Thị Duẩn (Só)	Bản San Thàng	786.569		786.569
119	Vàng Thị Tú	Bản Căng Đẳng	239.449		239.449
120	Vàng Văn Cam	Bản Căng Đẳng	494.861		494.861
121	Vàng Văn Chiêm	Bản Lò Suối Tùng	590.641		590.641
122	Vàng Văn Chu	Bản Căng Đẳng	2.011.370		2.011.370
123	Vàng Văn Hành	Bản Lò Suối Tùng	1.819.811		1.819.811
124	Vàng Văn Kiêm, Hoàng Thị Phúc	Bản San Thàng	160.889		160.889
125	Vàng Văn Li	Bản Phan Lin	415.045		415.045
126	Vàng Văn Phú	Lò Suối Tùng	319.265		319.265
127	Vàng Văn Phương	Bản Căng Đẳng	239.449		239.449
128	Vàng Văn Quát	Bản Lùng Than	1.126.224		1.126.224
129	Vàng Văn Quỳnh	Bản Chín Chu Chải	1.195.818		1.195.818
130	Vàng Văn Tá	Bản Chín Chu Chải	1.420.730		1.420.730
131	Vũ Đức Nghiên	Bản Phan Lin	351.192		351.192
132	Vũ Đức Thắng	Bản Thành Công	159.633		159.633
133	Vũ Đức Tính, Nguyễn Thị Hải	Tổ 23 - Đông Phong	2.330.635		2.330.635
134	Vũ Khánh Dương	Bản Xéo Xin Chải	287.338		287.338
135	Vũ Minh Chiêu	Tổ 23, P.Đông Phong	79.816		79.816
136	Vũ Văn Hùng	Bản Lò Suối Tùng	638.530		638.530
137	Vùi Văn Căng	Bản Chín Chu Chải	750.816		750.816
138	Vùi Văn Di	Bản Chín Chu Chải	2.180.942		2.180.942
139	Vùi Văn Kính	Bản San Thàng	1.304.990		1.304.990
140	Vùi Văn Phương (Hính)	Bản San Thàng	1.304.990		1.304.990

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Số tiền được chi trả (đồng)</b>	<b>Số tiền ưu tạm ứng (đồng)</b>	<b>Số tiền còn được thanh toán (đồng)</b>
141	Vùi Văn Toán, Vàng Thị Quyền	Bản Cáng Đẳng	95.779		95.779
142	Vùi Văn Yên	Bản Chín Chu Chải	1.126.224		1.126.224

**DANH SÁCH**  
**CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG NĂM 2025**

**Nhóm hộ, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu**

*(Kèm theo Thông báo số: 1511/TB-UBND ngày 20/5/2026 của UBND phường Tân Phong)*

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn được thanh toán (đồng)
1	<b>NH Chảo Văn Ánh</b>		<b>6.002.186</b>	-	<b>6.002.186</b>
1	Nguyễn Văn Kiên	Bản Xéo Xin Chải	222.303		222.303
2	Nguyễn Văn Tú	Bản Xéo Xin Chải	222.303		222.303
3	Nguyễn Văn Khang	Bản Xéo Xin Chải	222.303		222.303
4	Vàng Văn Hữu	Bản Cắng Đẳng	222.303		222.303
5	Vàng Văn Tùng (Mí)	Bản Cắng Đẳng	222.303		222.303
6	Vàng Văn Lánh	Bản Cắng Đẳng	222.303		222.303
7	Vùi Thị Dững (Nhưng)	Bản Cắng Đẳng	222.303		222.303
8	Vàng Văn Đoàn	Bản Cắng Đẳng	222.303		222.303
9	Vùi Văn Hưng (Học)	Bản Cắng Đẳng	222.303		222.303
10	Xã Văn Tế	Bản Cắng Đẳng	222.303		222.303
11	Xã Văn Tài	Bản Cắng Đẳng	222.303		222.303
12	Chảo Văn Tường	Bản Cắng Đẳng	222.303		222.303
13	Vùi Văn Ấn	Bản Cắng Đẳng	222.303		222.303
14	Chảo Văn Mào	Bản Cắng Đẳng	222.303		222.303
15	Vùi Văn Kim	Bản Cắng Đẳng	222.303		222.303
16	Vàng Ngọc Nhí	Bản Cắng Đẳng	222.303		222.303
17	Trần Văn Kết (Vân)	Bản Cắng Đẳng	222.303		222.303
18	Vùi Thị Hai (Bái)	Bản Cắng Đẳng	222.303		222.303
19	Vùi Văn Chí	Bản Cắng Đẳng	222.303		222.303
20	Chảo Văn ánh	Bản Cắng Đẳng	222.303		222.303
21	Vùi Thị Lò	Bản Cắng Đẳng	222.303		222.303
22	Thào Văn Sầu	Bản Cắng Đẳng	222.303		222.303
23	Vàng Văn Nhị	Bản Cắng Đẳng	222.303		222.303
24	Vàng Văn Ke	Bản Cắng Đẳng	222.303		222.303
25	Trần Văn Thanh	Bản Cắng Đẳng	222.303		222.303
26	Vàng Thị Vát	Bản Cắng Đẳng	222.303		222.303

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn được thanh toán (đồng)
27	Trần Văn Chu	Bản Cẩng Đấng	222.303		222.303
<b>2</b>	<b>NH Đỗ Thị Thọ</b>		<b>1.213.208</b>		<b>1.213.208</b>
1	Đỗ Thị Thọ	Bản Thành Công	168.794		168.794
2	Trần Văn Hải	Bản Thành Công	1.044.414		1.044.414
<b>3</b>	<b>NH Giàng A Phử</b>		<b>2.323.954</b>		<b>2.323.954</b>
1	Giàng A Phử	Xã Tả Lèng	774.651		774.651
2	Giàng A Di	Xã Tả Lèng	774.651		774.651
3	Giàng A Chéo	Xã Tả Lèng	774.651		774.651
<b>4</b>	<b>NH Hồ Văn Diêm</b>		<b>1.680.398</b>		<b>1.680.398</b>
1	Hồ Văn Diêm	Bản San Thàng	840.199		840.199
2	Hồ Văn Liêm	Bản San Thàng	840.199		840.199
<b>5</b>	<b>NH Hồ Văn Khèn</b>		<b>4.969.687</b>	-	<b>4.969.687</b>
1	Hồ Văn Khèn	Bản San Thàng	1.912.794		1.912.794
2	Hồ Văn Sơn	Bản San Thàng	625.680		625.680
3	Hồ Văn Túi	Bản San Thàng	214.518		214.518
4	Vùi Văn Múng (Cương)	Bản San Thàng	875.952		875.952
5	Vùi Văn Phương	Bản San Thàng	1.340.743		1.340.743
<b>6</b>	<b>NH Hồ Văn Phong</b>		<b>6.810.973</b>		<b>6.810.973</b>
1	Hồ Văn Phong	Bản Chín Chu Chải	681.097		681.097
2	Lò Thị Thiểu (Quân)	Bản Chín Chu Chải	681.097		681.097
3	Vùi Văn Sứ	Bản San Thàng	681.097		681.097
4	Hồ Văn Tính	Bản Chín Chu Chải	681.097		681.097
5	Hồ Văn Trang	Bản San Thàng	681.097		681.097
6	Vàng Thị Chéo	Bản Chín Chu Chải	681.097		681.097
7	Phìn Văn Pàng	Bản Chín Chu Chải	681.097		681.097
8	Thào Văn Hương	Bản San Thàng	681.097		681.097
9	Lò Văn Súi	Bản San Thàng	681.097		681.097
10	Lò Văn Thương	Bản San Thàng	681.097		681.097
<b>7</b>	<b>NH Hoàng Văn Diễn</b>		<b>2.073.683</b>		<b>2.073.683</b>
1	Hoàng Văn Diễn	Bản San Thàng	691.228		691.228
2	Vùi Văn Phương	Bản San Thàng	691.228		691.228

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn được thanh toán (đồng)
3	Thào Văn Chiềng	Bản San Thàng	691.228		691.228
<b>8</b>	<b>NH Hoàng Văn Hiền</b>		<b>3.914.870</b>		<b>3.914.870</b>
1	Hoàng Văn Hiền	Bản Mới	782.974		782.974
2	Phủ Lai Tỹ	Bản San Thàng	782.974		782.974
3	Hò Văn Máu		782.974		782.974
4	Vàng Thị Chính	Bản Mới	782.974		782.974
5	Hoàng Thị Bình	Bản San Thàng	782.974		782.974
<b>9</b>	<b>NH Hoàng Văn Quyền</b>		<b>10.922.587</b>		<b>10.922.587</b>
1	Hoàng Văn Quyền	Bản San Thàng	3.640.862		3.640.862
2	Vàng Văn Ngoãn	Bản San Thàng	3.640.862		3.640.862
3	Hoàng Văn Dũng	Bản San Thàng	3.640.862		3.640.862
<b>10</b>	<b>NH Hoàng Văn Thèn</b>		<b>572.050</b>		<b>572.050</b>
1	Hoàng Văn Thèn	Bản San Thàng	286.025		286.025
2	Hoàng Thị Phúc	Bản San Thàng	286.025		286.025
<b>11</b>	<b>NH Hoàng Văn Tiến</b>		<b>5.094.823</b>		<b>5.094.823</b>
1	Hoàng Văn Tiến	Bản Chín Chu Chải	1.036.841		1.036.841
2	Hoàng Thị Hương	Bản Chín Chu Chải	1.698.275		1.698.275
3	Hoàng Văn Miến	Bản Chín Chu Chải	1.287.113		1.287.113
4	Vương Thị Đàm	Bản Chín Chu Chải	1.072.594		1.072.594
<b>12</b>	<b>NH Lò Thị Thiều + Lò Văn Súi</b>		<b>1.662.521</b>		<b>1.662.521</b>
1	Lò Thị Thiều (Quân)	Bản Chín Chu Chải	831.261		831.261
2	Lò Văn Súi	Bản Chín Chu Chải	831.261		831.261
<b>13</b>	<b>NH Lò Văn Cảnh</b>		<b>1.483.756</b>		<b>1.483.756</b>
1	Lênh Thị Hằng (Cảnh)	Bản Lùng Than	741.878		741.878
2	Lênh Văn Tấn	Bản Lùng Than	741.878		741.878
<b>14</b>	<b>NH Lò Văn Hùng</b>		<b>4.737.292</b>		<b>4.737.292</b>
1	Lò Văn Hùng	Bản Mới	1.689.336		1.689.336
2	Vùi Văn Cứng (Lù Thị Lín)	Bản Chín Chu Chải	1.689.336		1.689.336
3	Vàng Thị Mẩy	Bản San Thàng	1.358.620		1.358.620
<b>15</b>	<b>NH Lò Văn Phà</b>		<b>1.119.227</b>		<b>1.119.227</b>
1	Lò Văn Phà	Bản San Thàng	559.614		559.614

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn được thanh toán (đồng)
2	Lò Văn Lùng	Bản San Thàng	559.614		559.614
<b>16</b>	<b>NH Lò Văn Sung</b>		<b>5.698.882</b>		<b>5.698.882</b>
1	Thào Văn Quy	Bản Lò Suối Tùng	518.080		518.080
2	Phạm Văn Dương	Bản Lò Suối Tùng	518.080		518.080
3	Vàng Văn Tài	Bản Lò Suối Tùng	518.080		518.080
4	Nguyễn Thị Nhung ( Chiên)	Bản Lò Suối Tùng	518.080		518.080
5	Nguyễn Văn Trà	Bản Lò Suối Tùng	518.080		518.080
6	Thào Văn Ban	Bản Lò Suối Tùng	518.080		518.080
7	Lò Văn Sung	Bản Lò Suối Tùng	518.080		518.080
8	Nguyễn Văn Nam (Thư)	Bản Lò Suối Tùng	518.080		518.080
9	Thào Văn Lúu	Bản Lò Suối Tùng	518.080		518.080
10	Lò Văn Tim	Bản Lò Suối Tùng	518.080		518.080
11	Nguyễn Văn Dư	Bản Lò Suối Tùng	518.080		518.080
<b>17</b>	<b>NH Lò Văn Bình</b>		<b>30.211.411</b>		<b>30.211.411</b>
1	Lò Văn Bình	Bản San Thàng	8.723.769		8.723.769
2	Lò Văn Chảo	Bản Chín Chu Chải	7.740.557		7.740.557
3	Dì Văn Chiêu	Bản Chín Chu Chải	2.252.448		2.252.448
4	Lò Văn Chung	Bản Chín Chu Chải	3.146.277		3.146.277
5	Hù Văn Hò	Bản San Thàng	1.716.151		1.716.151
6	Sìn	Bản Chín Chu Chải	6.632.209		6.632.209
<b>18</b>	<b>NH Lò Văn Phương</b>		<b>2.055.806</b>		<b>2.055.806</b>
1	Lò Văn Phương	Bản Lòung Than	685.269		685.269
2	Lèng Văn Tường	Bản Lòung Than	685.269		685.269
3	Lèng Văn Nghĩa	Bản Lòung Than	685.269		685.269
<b>19</b>	<b>NH Lò Văn Ten</b>		<b>12.745.995</b>		<b>12.745.995</b>
1	Lò Văn Dũng (Chiềng)	Bản Lòung Than	641.570		641.570
2	Thào Văn Tiến	Bản Lòung Than	641.570		641.570
3	Nguyễn Thị Sơn (Dìn)	Bản Lòung Than	641.570		641.570
4	Lèng Văn Tường	Bản Lòung Than	641.570		641.570
5	Vàng Văn Van	Bản Lòung Than	641.570		641.570
6	Lò Văn Đài	Bản Lòung Than	641.570		641.570

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn được thanh toán (đồng)
7	Lù Văn Ten	Bản Lùng Than	641.570		641.570
8	Vàng Văn Luy	Bản Lùng Than	641.570		641.570
9	Lèng Thị Hằng (Cánh)	Bản Lùng Than	641.570		641.570
10	Lò Thị Dịu (Tinh)	Bản Lùng Than	641.570		641.570
11	Lèng Văn Sấn	Bản Lùng Than	641.570		641.570
12	Lý Văn Cương	Bản Lùng Than	641.570		641.570
13	Lò A Mù	Bản Lùng Than	641.570		641.570
14	Lù Văn Páo	Bản Lùng Than	641.570		641.570
15	Liềng Văn Xăng	Bản Lùng Than	641.570		641.570
16	Lù Văn Di	Bản Lùng Than	641.570		641.570
17	Lù Văn Tội	Bản Lùng Than	641.570		641.570
18	Lèng Văn Kiu	Bản Lùng Than	641.570		641.570
19	Lò Văn Ki	Bản Lùng Than	125.136		125.136
20	Lù Văn Xen	Bản Lùng Than	1.072.594		1.072.594
<b>20</b>	<b>NH Lù Văn Trần</b>		<b>7.579.670</b>		<b>7.579.670</b>
1	Lù Văn Trần	Bản Chìn Chu Chải	842.186		842.186
2	Đì Thị Hương	Bản Chìn Chu Chải	842.186		842.186
3	Lù Văn Cánh	Bản Chìn Chu Chải	842.186		842.186
4	Lù Văn Quang	Bản Chìn Chu Chải	842.186		842.186
5	Hoàng Văn Miên	Bản Chìn Chu Chải	842.186		842.186
6	Đì Văn Tiên	Bản Chìn Chu Chải	842.186		842.186
7	Thào Thị Liễu	Bản Chìn Chu Chải	842.186		842.186
8	Lù Văn Hữu	Bản Chìn Chu Chải	842.186		842.186
9	Giàng Văn Trần	Bản Chìn Chu Chải	842.186		842.186
<b>21</b>	<b>NH Nguyễn Thị Ngân</b>		<b>814.126</b>		<b>814.126</b>
1	Trương Thị Luân (Ngành)	Bản Xéo Xin Chải	407.063		407.063
2	Đỗ Văn Chủ	Bản Xéo Xin Chải	407.063		407.063
<b>22</b>	<b>NH Hoàng Thị Tuyết</b>		<b>1.835.774</b>		<b>1.835.774</b>
1	Hoàng Thị Tuyết	Bản Xéo Xin Chải	917.887		917.887
2	Vũ Văn Nhíp	Bản Xéo Xin Chải	917.887		917.887
<b>23</b>	<b>NH Nguyễn Văn Đạt</b>		<b>8.684.009</b>		<b>8.684.009</b>

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn được thanh toán (đồng)
1	Phạm Văn Dương	Bản Xéo Xin Chải	734.309		734.309
2	Nguyễn Văn Thoan	Bản Xéo Xin Chải	1.135.671		1.135.671
3	Nguyễn Văn Lượng	Bản Xéo Xin Chải	1.135.671		1.135.671
4	Nguyễn Văn Sạch	Bản Xéo Xin Chải	1.135.671		1.135.671
5	Lã Văn Tín	Bản Xéo Xin Chải	1.135.671		1.135.671
6	Nguyễn Văn Đạt	Bản Xéo Xin Chải	1.135.671		1.135.671
7	Nguyễn Văn Trúc	Bản Xéo Xin Chải	1.135.671		1.135.671
8	Nguyễn Văn Thăng	Bản Xéo Xin Chải	1.135.671		1.135.671
<b>24</b>	<b>NH Nguyễn Văn Khang</b>		<b>10.360.152</b>		<b>10.360.152</b>
1	Nguyễn Văn Tú	Bản Xéo Xin Chải	647.510		647.510
2	Nguyễn Văn Túy	Bản Xéo Xin Chải	647.510		647.510
3	Nguyễn Văn Chân	Bản Xéo Xin Chải	647.510		647.510
4	Nguyễn Văn Khang	Bản Xéo Xin Chải	647.510		647.510
5	Nguyễn Văn Thoan	Bản Xéo Xin Chải	647.510		647.510
6	Nguyễn Thị Miện	Bản Xéo Xin Chải	647.510		647.510
7	Lò Văn Kiểm	Bản Xéo Xin Chải	647.510		647.510
8	Nguyễn Thị Thân	Bản Xéo Xin Chải	647.510		647.510
9	Trần Văn Khải	Bản Xéo Xin Chải	647.510		647.510
10	Nguyễn Thị Loan	Bản Xéo Xin Chải	647.510		647.510
11	Lò Văn Chen	Bản Xéo Xin Chải	647.510		647.510
12	Lê Thị Nguyệt (Quang)	Bản Xéo Xin Chải	647.510		647.510
13	Nguyễn Văn Bằng	Bản Xéo Xin Chải	647.510		647.510
14	Nguyễn Văn Kiên (Nga)	Bản Xéo Xin Chải	647.510		647.510
15	Nguyễn Văn Anh	Bản Xéo Xin Chải	647.510		647.510
16	Nguyễn Thị Lan	Bản Xéo Xin Chải	647.510		647.510
<b>25</b>	<b>NH Nguyễn Văn Trịnh</b>		<b>6.640.714</b>		<b>6.640.714</b>
1	Nguyễn Văn Thuận (Nhưng)	Bản Lò Suối Tùng	553.393		553.393
2	Nguyễn Văn Tuế	Bản Lò Suối Tùng	553.393		553.393
3	Nguyễn Văn Trịnh	Bản Lò Suối Tùng	553.393		553.393
4	Nguyễn Văn Nam (Thư)	Bản Lò Suối Tùng	553.393		553.393
5	Vàng Văn Núi (Cười)	Bản Lò Suối Tùng	553.393		553.393

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn được thanh toán (đồng)
6	Vàng Văn Ứng (Điêng)	Bản Lò Suối Tùng	553.393		553.393
7	Vàng Văn Cương	Bản Lò Suối Tùng	553.393		553.393
8	Vàng Văn Nam	Bản Lò Suối Tùng	553.393		553.393
9	Vàng Văn É	Bản Lò Suối Tùng	553.393		553.393
10	Vàng Văn Kỳ	Bản Lò Suối Tùng	553.393		553.393
11	Nguyễn Văn Hoàn	Bản Lò Suối Tùng	553.393		553.393
12	Vàng Văn Nam	Bản Lò Suối Tùng	553.393		553.393
<b>26</b>	<b>NH Nguyễn Văn Tựa</b>		<b>3.128.797</b>		<b>3.128.797</b>
1	Nguyễn Văn Trọng	Bản Lò Suối Tùng	1.042.932		1.042.932
2	Nguyễn Văn Tựa	Bản Lò Suối Tùng	1.042.932		1.042.932
3	Nguyễn Văn Quốc	Bản Lò Suối Tùng	1.042.932		1.042.932
<b>27</b>	<b>NH Phạm Khắc Thành</b>		<b>862.015</b>		<b>862.015</b>
1	Phạm Khắc Thành	Bản Mới	287.338		287.338
2	Nguyễn Duy Huy	Bản Mới	287.338		287.338
3	Đinh Thị Thìn	Bản Mới	287.338		287.338
<b>28</b>	<b>NH Thảo Văn Hùng</b>		<b>1.823.411</b>		<b>1.823.411</b>
1	Thảo Văn Hùng	San Thành	911.706		911.706
2	Hàng A Pháng	San Thành	911.706		911.706
<b>29</b>	<b>NH Trần Thị Chám</b>		<b>5.571.176</b>		<b>5.571.176</b>
1	Trần Thị Chám	Bản Cắng Đẳng	928.529		928.529
2	Vàng Văn Toàn	Bản Cắng Đẳng	928.529		928.529
3	Vàng Văn Héo	Bản Cắng Đẳng	928.529		928.529
4	Trần Thị Hân	Bản Cắng Đẳng	928.529		928.529
5	Trần Thị Hén	Bản Cắng Đẳng	928.529		928.529
6	Vàng Văn Túy	Bản Cắng Đẳng	928.529		928.529
<b>30</b>	<b>NH Trần Văn Gia</b>		<b>1.229.171</b>		<b>1.229.171</b>
1	Trần Văn Gia	Bản Phan lìn	122.917		122.917
2	Vàng Ngọc Nhí	Bản Phan lìn	122.917		122.917
3	Vàng Văn Tươi	Bản Phan lìn	122.917		122.917
4	Trần Thị Chát	Bản Phan lìn	122.917		122.917
5	Vàng Văn Xuân	Bản Phan lìn	122.917		122.917

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn được thanh toán (đồng)
6	Trần Quang Vinh	Bản Phan lìn	122.917		122.917
7	Trần Văn Văn Thắng	Bản Phan lìn	122.917		122.917
8	Trần Văn Liễn	Bản Phan lìn	122.917		122.917
9	Trần Văn Thanh	Bản Phan lìn	122.917		122.917
10	Thào Thị Khoir	Bản Phan lìn	122.917		122.917
<b>31</b>	<b>NH Vàng Văn Lay</b>		<b>786.569</b>		<b>786.569</b>
1	Vàng Văn Lay	Bản Lùng Than	417.865		417.865
2	Lù Thị Chiến (Hành)	Bản Lùng Than	184.532		184.532
3	Vàng Văn Mạnh	Bản Lùng Than	184.532		184.532
<b>32</b>	<b>NH Vàng Văn Lộc</b>		<b>1.324.950</b>		<b>1.324.950</b>
1	Vàng Văn Lộc	Bản Lò Suối Tùng	441.650		441.650
2	Vàng Văn Gàng	Bản Lò Suối Tùng	441.650		441.650
3	Trần Văn Suối	Bản Lò Suối Tùng	441.650		441.650
<b>33</b>	<b>NH Vàng Văn Tiêu</b>		<b>1.516.509</b>		<b>1.516.509</b>
1	Vàng Văn Tiêu	Bản Phan Lìn	168.501		168.501
2	Vàng Văn Túng	Bản Phan Lìn	168.501		168.501
3	Vàng Văn Tích	Bản Phan Lìn	168.501		168.501
4	Lê Trung Sỹ	Bản Phan Lìn	168.501		168.501
5	Đào Văn Hòa	Bản Phan Lìn	168.501		168.501
6	Đào Văn Khoa	Bản Phan Lìn	168.501		168.501
7	Đào Văn Học	Bản Phan Lìn	168.501		168.501
8	Vũ Khánh Dương	Bản Phan Lìn	168.501		168.501
9	Vàng Văn Xuân	Bản Phan Lìn	168.501		168.501
<b>34</b>	<b>NH Vùi Văn Học</b>		<b>2.027.333</b>		<b>2.027.333</b>
1	Vùi Văn Hưng ( Học)	Bản Cẩng Đẩng	1.013.667		1.013.667
2	Vàng Văn Nhị	Bản Cẩng Đẩng	1.013.667		1.013.667
<b>35</b>	<b>NH Vùi Văn Sử</b>		<b>321.778</b>		<b>321.778</b>
1	Vùi Văn Sử	Bản San Thàng	160.889		160.889
2	Lò Thị Thiểu (Pín)	Bản San Thàng	160.889		160.889
<b>36</b>	<b>NH Vùi Văn Thàng</b>		<b>2.717.239</b>		<b>2.717.239</b>
1	Vùi Văn Thàng	Bản San Thàng	679.310		679.310

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn được thanh toán (đồng)
2	Vùi Văn Kém	Bản San Thàng	679.310		679.310
3	Hoàng Văn Min	Bản San Thàng	679.310		679.310
4	Hoàng Văn Quồn	Bản San Thàng	679.310		679.310
<b>37</b>	<b>NH Xã Văn Tế</b>		<b>95.779</b>		<b>95.779</b>
1	Xã Văn Tế	Bản Cắng Đẳng	31.926		31.926
2	Vàng Văn Say	Bản Cắng Đẳng	31.926		31.926
3	Vàng Văn Tươi	Bản Cắng Đẳng	31.926		31.926
<b>38</b>	<b>NH.Vàng Văn Nhị,Vàng Văn Việt</b>		<b>2.937.239</b>		<b>2.937.239</b>
1	Vàng Văn Nhị	Bản Cắng Đẳng	367.155		367.155
2	Vàng Văn Việt	Bản Cắng Đẳng	367.155		367.155
3	Cháo Văn Tường	Bản Cắng Đẳng	367.155		367.155
4	Trần Thị Hần (Vỹ)	Bản Cắng Đẳng	367.155		367.155
5	Vàng Thị Cây	Bản Cắng Đẳng	367.155		367.155
6	Vàng Văn Dầu	Bản Cắng Đẳng	367.155		367.155
7	Vàng Văn Pây	Bản Cắng Đẳng	367.155		367.155
8	Trần Thị Chám	Bản Cắng Đẳng	367.155		367.155















0,64

1.229.014

184.352